

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 250/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 9 - 2024
“V/v: Tranh chấp hôn và nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hà Linh.
2. Ông Hoàng Văn Thiết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án dân sự thụ lý số 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Triệu Thị M, sinh năm 1975.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1972.

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông Đ đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Triệu Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn Đ được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/3/1997, tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nhau,

luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Bà xác định không còn tình cảm với ông Đ, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà với ông Đ đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Thực tế bà và ông Đ đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Đ theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Bà và ông Trần Văn Đ có 02 người con chung là Trần Văn T, sinh ngày 24/9/1997 và Trần Quyền A, sinh ngày 11/7/2004. Hiện nay các con chung của bà đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Bà và ông Trần Văn Đ có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về công nợ chung: Bà và ông Trần Văn Đ không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Bà Triệu Thị M xác định ông Trần Văn Đ đã biết và được bà trực tiếp thông báo về việc bà gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc ly hôn giữa bà với ông Đ, nhưng ông Đ cố tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, bà Triệu Thị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà M giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Văn Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Triệu Thị M được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/3/1997, tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến cách đây khoảng 10 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang không chung sống cùng ông nữa. Mâu thuẫn của ông bà đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ chung sống cùng nhau được. Nay bà M xin ly hôn ông không có ý kiến gì.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Triệu Thị M có 02 người con chung là Trần Văn T, sinh ngày 24/9/1997 và Trần Quyền A, sinh ngày 11/7/2004. Hiện nay các con chung của ông đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản chung, đất đai chung và công nợ chung: Ông xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo, báo gọi ông Đ nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông Đ không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Tòa án đã kết hợp cùng chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà ông Đ để làm việc và lấy lời khai nhưng sau khi ghi lời khai xong ông Đ không ký biên bản và bỏ đi không làm việc nữa. Như vậy

người bị khởi kiện là ông Trần Văn Đ đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án xác minh tại địa phương thôn T, xã Đ, huyện H cung cấp: Hiện nay bà Triệu Thị M và ông Trần Văn Đ là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Bà M và ông Đ được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1997 tại UBND xã Đức Ninh huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc bình thường, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, bà M và ông Đ không chung sống cùng nhau nữa. Ông Đ vẫn thường xuyên sinh sống, làm việc tại thôn T, xã Đ. Nay bà M làm đơn xin ly hôn với ông Đ, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ: Các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn bà Triệu Thị M cung cấp: Đơn khởi kiện; 01 Giấy trích lục kết hôn (bản sao); 01 Căn cước công dân mang tên Triệu Thị M (bản sao chứng thực); 02 Giấy khai sinh mang tên Trần Văn T và Trần Quyền A (bản sao chứng thực); 01 xác nhận thông tin cư trú của Công an xã Đức Ninh (bản chính);

- Bị đơn ông Trần Văn Đ cung cấp: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo ông Trần Văn Đ đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án ông Đ đều không đến làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự:* Nguyên đơn bà Triệu Thị M chấp hành các quy định pháp luật tốt; Bị đơn ông Trần Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ theo quy định pháp luật. Vì vậy có thể xác định ông Trần Văn Đ đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ của mình, nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị Mão.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Triệu Thị M được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

- Về án phí: Bà Triệu Thị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Ông Trần Văn Đ không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bà Triệu Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn Đ nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin bà M cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn ông Trần Văn Đ là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn ông Trần Văn Đ tại phiên tòa: Qua xác minh tại địa phương nơi ông Đ cư trú và chính quyền địa phương cung cấp: Ông Trần Văn Đ thường xuyên sinh sống tại địa phương. Trước khi bà M nộp đơn ly hôn lên Tòa án thì bà M đã thông báo cho ông Đ biết việc bà sẽ làm đơn ly hôn với ông Đ gửi Tòa án giải quyết, ông Đ biết nhưng nói không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã trực tiếp làm việc với ông Đ nhưng ông Đ không hợp tác. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật về thụ lý vụ án, mở phiên họp công khai chứng cứ, xét xử theo quy định. Như vậy người bị kiện là ông Trần Văn Đ đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Văn Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị M và ông Trần Văn Đ được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/3/1997, tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà M và ông Đ là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa bà M và ông Đ hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi

nhau, không tin tưởng nhau. Bà M xác định không còn tình cảm với ông Đ, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M với ông Đ đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Thực tế bà M và ông Đ đã sống ly thân nhau không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông Đ đã quá căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Triệu Thị M và xử cho bà M được ly hôn với ông Trần Văn Đ theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Triệu Thị M xác định bà và ông Trần Văn Đ có 02 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 24/9/1997 và Trần Quyền A, sinh ngày 11/7/2004. Hiện nay các con chung của bà M và ông Đ đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết..

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Bà Triệu Thị M xác định vợ chồng có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Bà Triệu Thị M xác định vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Triệu Thị M phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định; Ông Trần Văn Đ không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Triệu Thị M được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

2. Về án phí:

+ Nguyên đơn bà Triệu Thị M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000601 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 22/4/2024). Bà Triệu Thị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Bị đơn ông Trần Văn Đ không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Triệu Thị M và ông Trần Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Đức Ninh (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đức Tùng